TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CP** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 335/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 21 - 6 – 2023
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Thu Sương;
Ông Lê Trung Thành.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 181/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 280/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành B, sinh năm 1990;

Trú tại: Tổ 07, ấp Bình Y, xã Bình Th, huyện CP, tỉnh An Giang, (xin vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1988;

Trú tại: Tổ 07, ấp Bình Y, xã Bình Th, huyện CP, tỉnh An Giang, (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/02/2023 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Nguyễn Thành B trình bày:

- Vê hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Trúc L tìm hiểu chung sống với nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Th, huyện CP, tỉnh An Giang vào năm 2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng vào đầu năm 2022 vợ chồng thường hay mâu thuẫn với nhau về tiền bạc, cuộc sống không còn hạnh phúc, bà L đã tự ý bỏ nhà đi, vợ chồng đã ly thân đầu năm 2022 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên ông B xin ly hôn với bà L.

- Về con chung: Ông B và bà L chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 11/10/2010, hiện đang sống với ông B. Khi L hôn ông B yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Trúc L, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng bà L vắng mặt không có lý do, tuy nhiên bà L có bản tự khai đề ngày 12/6/2023 trình bày đồng ý ly hôn với ông B, con chung tên Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 11/10/2010, hiện đang sống với ông B, đồng ý giao con chung cho ông B nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không có.

Tại phiên toà:

Ông B có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bà L vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa thấy rằng hôn nhân của ông B và bà L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn

gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông B yêu cầu ly hôn với bà L là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Ông B và bà L có 01 con chung tên Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 11/10/2010, hiện đang sống với ông B. Cháu M đang sống cùng ông B do ông B chăm sóc nuôi dưỡng ổn định, nên đề nghị giao cháu M cho ông B được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông B không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: bà Nguyễn Thị Trúc L có hộ khẩu thường trú tại xã Bình Thuỷ, huyện CP. Ông B khởi kiện xin L hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Ông B và bà L chung sống với nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Th, huyện CP, tỉnh An Giang vào năm 2017 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn ông bà có cuộc sống hạnh phúc được một thời gian, nhưng thời gian sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường hay cải nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, bà L đã bỏ đi từ đầu năm 2022 đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên ông B xin ly hôn với bà L. Quá trình giải quyết vụ án ông B có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải, cho thấy ông B kiên quyết ly hôn với bà L, đồng thời bà L cũng có văn

bản đồng ý ly hôn với ông B. Hội đồng xét xử xét thấy ông B và bà L đã kiên quyết ly hôn, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện cho ông bà đoàn tụ với nhau nhưng cả hai đều xin vắng mặt, chứng tỏ ông B và bà L không muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với nhau.

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng giữa ông B và bà L đã không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông B.

Về con chung: Ông B và bà L chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 11/10/2010, hiện đang sống với ông B. Xét thấy, cháu M đang sống cùng ông B do ông B chăm sóc nuôi dưỡng ổn định và ông B có nguyện vọng muốn tiếp tục nuôi cháu M, cháu M cũng có nguyện vọng muốn ở với ông B, bà L đồng ý giao cháu M cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, để ổn định cuộc sống sinh hoạt, học tập của cháu M nên Hội đồng xét xử giao cháu M cho ông B được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông Phúc có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; quyền nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông B không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Ông B phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẻ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành B.

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thành B được ly hôn với bà Nguyễn Thị Trúc L.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 13 ngày 07/02/2017 của Ủy ban dân xã Bình Th, huyện CP, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 11/10/2010 cho ông Nguyễn Thành B được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Trúc L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông B cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở bà L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí:

- Ông Nguyễn Thành B phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005399 ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- VKSND huyện CP;
- UBND xã Bình Th;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Mỹ